

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HSX: ACB)



MUA, Giá mục tiêu: 27,800VND (upside: 35%)

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan trong 9 tháng đầu năm 2022, động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần tăng 20.7% so với 9 tháng đầu năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 10,800 tỷ đồng, tăng 51% so với 9 tháng đầu năm 2021. Định giá cổ phiếu ở mức 27,800 đồng/cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu ACB.

Thông tin cập nhật

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan. Thu nhập lãi thuần của 9 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng 20.7% so với 9 tháng đầu năm ngoái, với động lực chính đến từ việc giảm chi phí huy động vốn khiến NIM có sự cải thiện. Ngoài ra, Thu nhập ngoài lãi tăng 10% so với 9T2021.

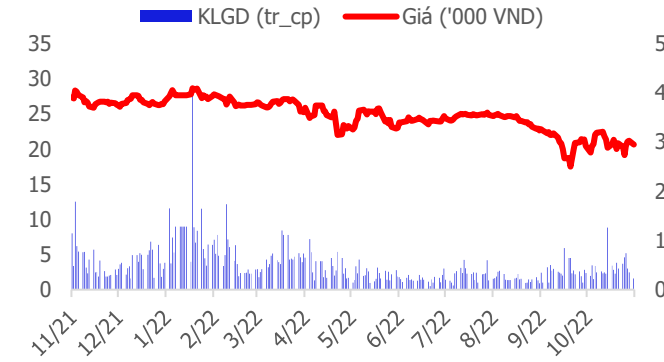
Chất lượng tài sản cải thiện. Tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ so với quý 2, ở mức 1.01%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 chỉ còn 0.44%, giảm 0.09% so với cuối năm 2021.

NIM duy trì ở mức ổn định nhờ giảm chi phí vốn cũng như đẩy mạnh cho vay bán lẻ. So với cùng kỳ, chi phí vốn đã giảm hơn 1%, mức giảm cao so với trung bình ngành.

Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. Vốn điều lệ của ACB được tăng lên hơn 33.7 ngàn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng thêm 6,755 tỷ đồng trong năm nay. Nguồn vốn tăng thêm đã giúp ACB quản trị rủi ro tốt hơn. Tỷ lệ an toàn vốn của ACB tăng lên 12% ở thời điểm cuối quý 3 2022.

Định giá cổ phiếu: Tại mức giá hiện tại 20,600 đồng/ cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu ACB, với giá mục tiêu sau 12 tháng là 27,800 đồng/ cổ phiếu theo phương pháp R/I.

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	1T	3T	9T	12T
ACB (%)	1%	-16%	-25%	-25%
VN INDEX (%)	-6%	-24%	-36%	-34%

Ngày báo cáo	21/11/22
Giá hiện tại	VND 20,600
Giá mục tiêu	VND 27,800
Tăng/giảm	35.0%
Bloomberg	ACB VN EQUITY
Vốn hoá thị trường	55,660 tỷ đồng
Biến động 52 tuần	VND 17,500
	VND 28,600
KLGD trung bình	8,694,550
Sở hữu tối đa NN	30%
Sở hữu hiện tại NN	30%

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	23,564	26,454	28,925	32,145	36,159
Lợi nhuận trước thuế và chi phí	Tỷ đồng	15,334	17,953	20,090	22,962	26,608
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		17%	12%	14%	16%
Chi phí dự phòng	Tỷ đồng	3,336	997	1,676	1,041	1,127
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		-70%	68%	-38%	8%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,998	16,956	18,414	21,921	25,481
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		41%	9%	19%	16%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,603	13,565	14,731	17,537	20,385
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		41%	9%	19%	16%
EPS (cơ bản)	đồng	3,554	4,016	4,362	5,192	6,036
BVPS	đồng	16,618	17,311	21,672	26,865	32,900
ROAA	%	1.8%	2.4%	2.3%	2.5%	2.5%
ROEA	%	21.4%	23.2%	20.1%	19.3%	18.3%
P/E	lần	5.8	5.1	4.7	4.0	3.4
P/B	lần	1.24	1.19	0.95	0.77	0.63

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HSX: ACB)

MUA, Giá mục tiêu: 27,800VND (upside: 35%)

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T 2022

Trong quý 3, ACB ghi nhận gần **5,000** tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng **71%** so với cùng kỳ (svck). Trong đó, khoản thu nhận lãi thuần tăng **33.4%**, lên hơn **6,000** tỷ đồng. Quý 3 năm nay cũng là quý ghi nhận lợi nhuận lãi thuần cao nhất, tính từ năm 2018 đến nay.

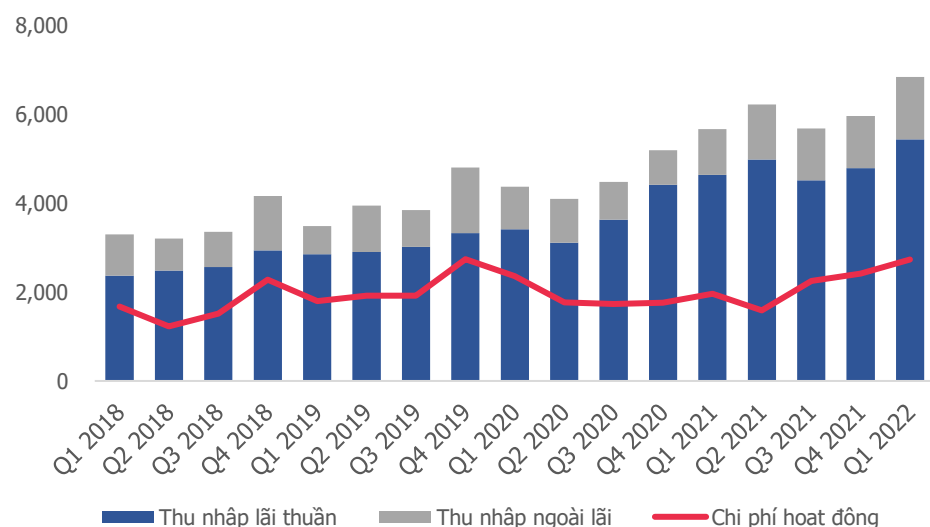
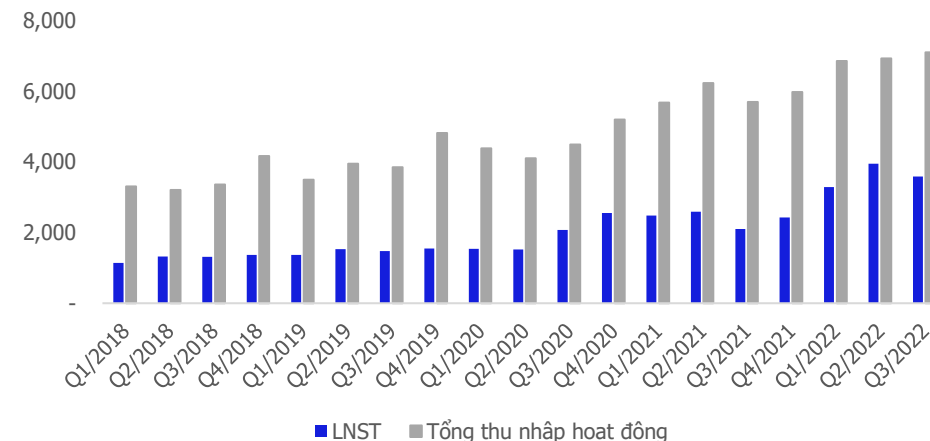
Lũy kế đến ngày 30/9/2022, ACB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn **13,500** tỷ đồng, tăng trưởng hơn **50.6%** svck, và hoàn thành hơn **90%** kế hoạch đã đề ra cho năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn **10,800** tỷ đồng, tăng **50.8%** svck.

Thu nhập lãi thuần 9 tháng đầu năm tăng **20.7%** svck, đạt trên **17 nghìn** tỷ đồng. Về mảng thu nhập ngoài lãi, 9 tháng đầu năm ghi nhận gần **3,800** tỷ đồng, tăng **10%** svck. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng **21.1%** svck, ghi nhận gần **2,600** tỷ đồng. Trong đó, mảng bancassurance đóng góp tỷ trọng lớn trong thu nhập phí dịch vụ của ngân hàng với doanh số bảo hiểm luôn thuộc top đầu thị trường. Tuy nhiên, trước diễn biến không thuận lợi từ thị trường chứng khoán Việt Nam từ đầu năm nay, ngân hàng ghi nhận khoản lỗ lũy kế khoảng **277** tỷ đồng đến từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Chi phí hoạt động cũng tăng **30%** svck, hơn **7,500** tỷ đồng.

Điểm nổi bật là chi phí trích lập dự phòng của doanh nghiệp lại có sự đi ngược lại so với các ngân hàng khác. Trong 1H2022, ngân hàng hoàn nhập **270** tỷ đồng, trong khi quý 3 trích lập chi phí dự phòng rủi ro tín dụng **90** tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng 2022, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của ngân hàng được **hoàn nhập** gần **180** tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2021 khoản chi phí này được trích lập hơn **2,800** tỷ đồng. Điều này phù hợp với nhận định trước đó của công ty khi vào năm ngoái, doanh nghiệp đã chủ động trích lập dự phòng khoảng 2,300 tỷ do covid và dự báo nếu tình hình khả quan thì khoản này sẽ hoàn nhập và tạo ra một khoản thu nhập bất thường cho năm nay.

Với kết quả kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng cao, ACB là ngân hàng có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tiếp tục nằm trong top dẫn đầu thị trường, trên mức **27%**.

KẾT QUẢ KINH DOANH



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HSX: ACB)



MUA, Giá mục tiêu: 27,800VND (upside: 35%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

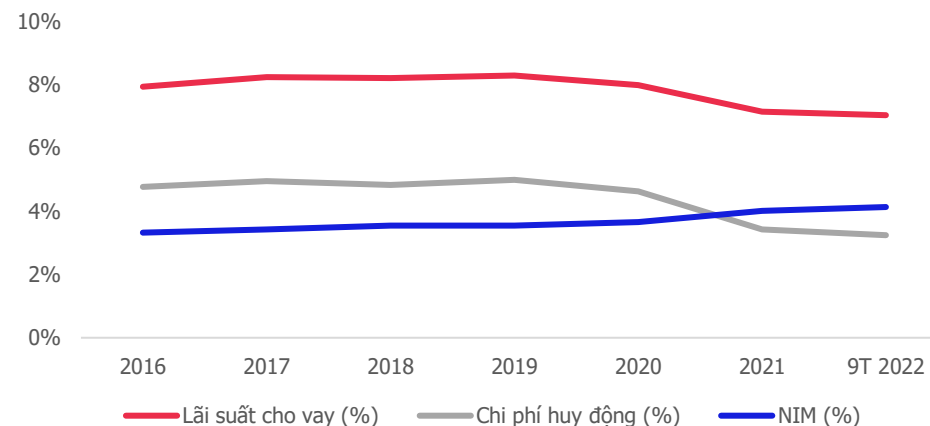
NIM vẫn tăng dù lãi suất huy động tăng

- Trong quý 3, NIM của ngân hàng tiếp tục có sự cải thiện, tăng nhẹ **5** điểm cơ bản lên **4.13%** so với quý 2 trước đó, nhờ tỷ lệ lợi tức trên tài sản sinh lãi (YEA) tăng nhanh hơn tỷ lệ chi phí vốn huy động (COF).
- Tuy nhiên, do thời điểm tăng lãi suất mạnh nhất rơi vào đầu quý 4 cùng với độ trễ của kỳ hạn huy động nên việc lãi suất huy động tăng lên tại các ngân hàng vẫn chưa phản ánh hết vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Điều này sẽ là yếu tố tác động tiêu cực đến chi phí huy động vốn của ngân hàng và có thể làm giảm chỉ số NIM trong thời gian tới.
- Tăng trưởng tín dụng trong năm nay đạt **13%**. Tới cuối quý 3, tín dụng của ACB tăng **11.1%**, như vậy ngân hàng vẫn còn khoảng **1.9%** tương đương với **6,700** tỷ đồng trong quý 4.

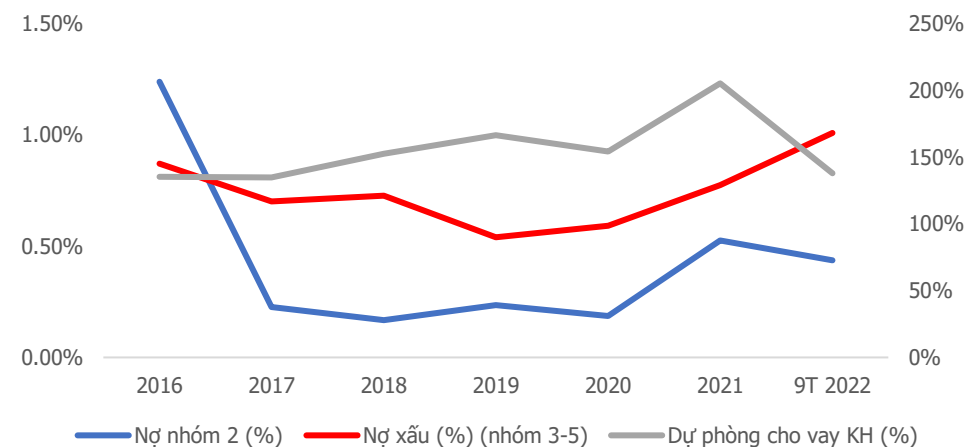
Chất lượng tài sản lành mạnh

- Tổng nợ xấu tăng **44%** svck lên **4,056** tỷ đồng, tương đương với **1.01%** tổng dư nợ cho vay. Tuy nhiên, nợ nhóm 5 cũng gây chú ý khi tăng **119%** svck và **46%** so với quý 2/2022, tương đương với **3,190** tỷ đồng.
- Hiện tại, ACB chỉ mới trích lập 90 tỷ đồng chi phí dự phòng trong quý 3 (giảm **89%** svck) vì ngân hàng tiếp tục hoàn nhập dự phòng đã trích lập cho nợ tái cơ cấu trong các quý đầu năm. Vì vậy, tỷ lệ LLR giảm còn **137.8%** trong quý 3 từ 185% tại thời điểm cuối quý 2 2022.
- Tỷ lệ dư nợ tín dụng/ vốn huy động (LDR) ở mức **83%**, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Danh mục tín dụng với tập trung chủ yếu vào mảng bán lẻ với tỷ lệ lên hơn **94%**. **98%** các khoản vay đều có tài sản đảm bảo và tỷ lệ cho vay trên giá trị bình quân danh mục liên tục duy trì trên **52%**

KHẢ NĂNG SINH LỜI



KHẢ NĂNG QUẢN LÝ NỢ



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HSX: ACB)



MUA, Giá mục tiêu: 27,800VND (upside: 35%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Chất lượng tài sản lành mạnh

- Về mặt đầu tư tài chính, danh mục đầu tư của ACB được đánh giá lành mạnh khi không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, hoạt động của ACB không bị ảnh hưởng bởi một số quy định gần đây liên quan đến bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp.
- ACB được các tổ chức xếp hạng uy tín như Moody's và Fitch đánh giá là ngân hàng có chất lượng tài sản vững chắc, nằm trong top dẫn đầu về quản trị rủi ro và có mô hình rủi ro hiệu quả
- Tỷ lệ an toàn vốn và tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 riêng lẻ của ACB đạt **12%** và **12.5%**, cao hơn yêu cầu tối thiểu 8% của Ngân hàng nhà nước.
- Ngoài ra, ACB đang triển khai dự án nâng cấp công tác quản trị an toàn vốn theo Basel III (hiện đang được rà soát mức độ tuân thủ bởi bên tư vấn độc lập KPMG), đáp ứng các chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho khách hàng và cổ đông.

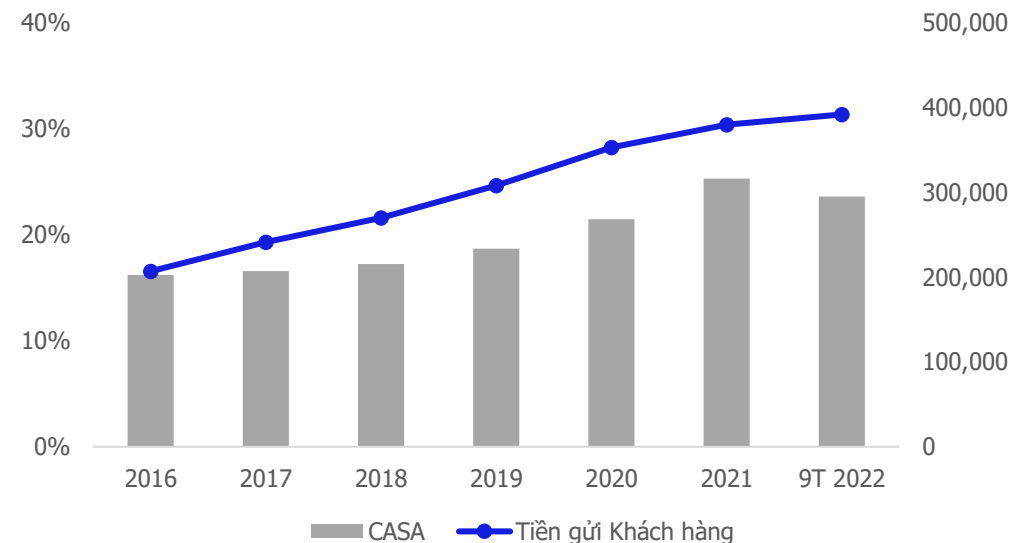
Tỷ lệ CASA được kỳ vọng sẽ có sự cải thiện

Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tiền gửi của ngân hàng có sự sụt giảm nhẹ (**-78 điểm cơ bản**) trong quý 3 so với cuối quý 2. Tuy nhiên, nhìn chung, điều này cũng phù hợp trong bối cảnh lãi suất huy động tăng mạnh, khách hàng có xu hướng tối ưu đồng vốn thay vì gửi không kỳ hạn như trước.

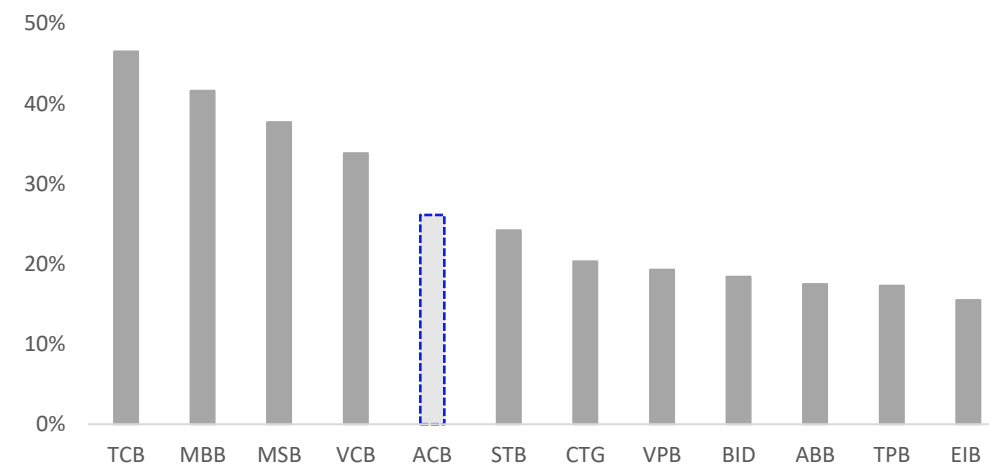
Tuy nhiên, ngân hàng cũng đặt mục tiêu tỷ lệ CASA đạt mức **28% - 29%** vào cuối năm nay, với kỳ vọng vào sự phát triển của hệ thống ngân hàng số.

Ngoài ra, ngân hàng cũng lên kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 (thực hiện trong năm 2023) với tỷ lệ chia **25%**, trong đó **15%** bằng cổ phiếu và **10%** bằng tiền mặt.

CASA VÀ TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG



TỶ LỆ CASA CỦA CÁC NGÂN HÀNG 3Q/2022



MUA, Giá mục tiêu: 27,800VND (upside: 35%)

RỦI RO ĐẦU TƯ

Room tín dụng đang là vấn đề đối với toàn ngành khi Ngân hàng nhà nước chịu tác động bởi áp lực lạm phát toàn cầu mà trở nên thận trọng hơn trong việc nới room tín dụng. Ngoài ra, việc lãi suất huy động tăng trong thời gian qua được dự báo sẽ phản ánh rõ ràng hơn vào lợi nhuận và chi phí của ngân hàng trong thời gian tới.

Chính vì vậy, NIM của ACB nói riêng và toàn ngành ngân hàng nói chung có thể suy giảm mạnh hơn dự kiến trong thời gian tới, tác động tiêu cực lên kết quả kinh doanh của ngân hàng.

MÔ HÌNH DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi dự phóng:

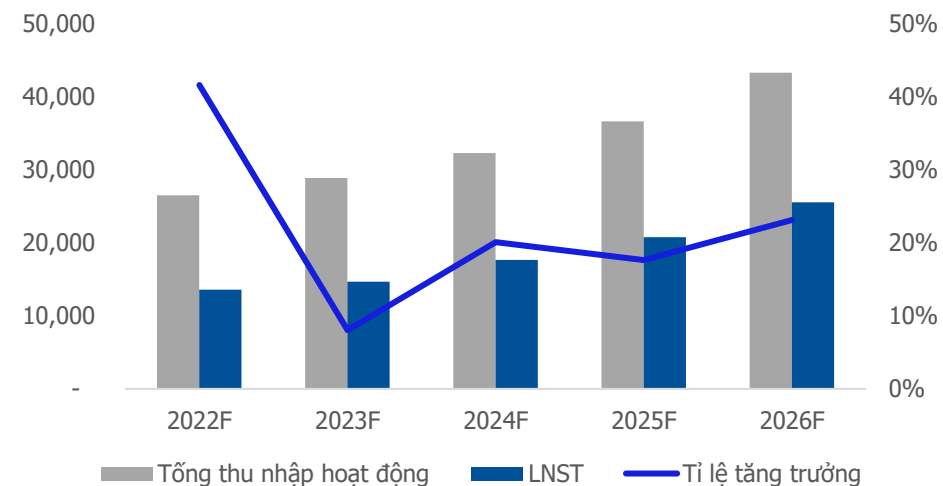
- TOI của ACB trong năm 2022 và 2023 sẽ đạt lần lượt là gần 26,500 tỷ đồng (+12% yoy) và 29 nghìn tỷ đồng (+9% yoy)
- LNTT 2022F đạt 17,000 tỷ đồng (+41.7% yoy) và 2023F đạt 18,414 tỷ đồng (+8.6% yoy)
- Chi phí DPRRTD 2022F đạt 997 tỷ đồng (-70% yoy) và 2023F đạt 1,675 tỷ đồng (+68% yoy)
- Thu nhập từ lãi dự tính đạt 82% tổng thu nhập hoạt động trong năm 2022 và 2023
- Chi phí hoạt động đạt 8,500 tỷ đồng trong năm 2022 (+3% yoy) và 8,800 tỷ đồng 2023F.
- Trước áp lực của việc tăng lãi suất huy động, chúng tôi cho rằng tỷ lệ CASA của ACB trong năm 2022F và 2023F sẽ ở mức 21%/ năm

Tăng trưởng tín dụng đạt mức 13%. Tính đến hết quý 3 năm 2022, tăng trưởng tín dụng của ACB đạt 11.1%. Như vậy, ngân hàng vẫn còn 1.9% tín dụng trong quý 4, tương đương với hơn 6,700 tỷ đồng.

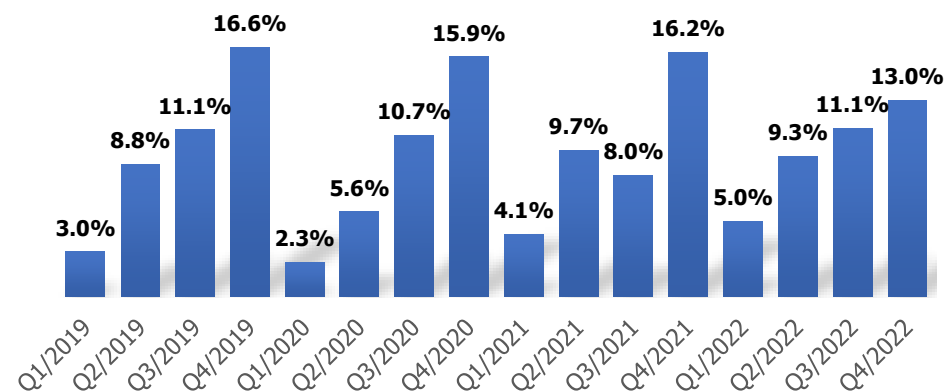
NIM của ACB trong năm 2022 dự phóng đạt 4.03%. NPL đạt 0.67%. ROE và ROA lần lượt đạt 23.2% và 2.36%

MỨC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

ĐVT: Tỷ đồng



MỨC TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG



NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (HSX: ACB)



KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	18,945	21,671	23,746	26,335	29,915
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	tỷ đồng	2,894	3,135	3,387	3,848	4,167
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	tỷ đồng	872	959	1,055	1,160	1,218
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	450	225	236	260	273
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	244	293	322	354	390
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	tỷ đồng	20	21	22	23	25
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	139	149	157	165	173
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	4,619	4,782	5,178	5,810	6,245
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	23,564	26,454	28,925	32,145	36,159
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	8,230	8,501	8,835	9,183	9,552
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước CF dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	15,334	17,953	20,090	22,962	26,608
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	3,336	997	1,676	1,041	1,127
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	tỷ đồng	11,998	16,956	18,414	21,921	25,481
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	2,395	3,391	3,683	4,384	5,096
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	tỷ đồng	9,603	13,565	14,731	17,537	20,385
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Cổ đông của Công ty mẹ	tỷ đồng	9,603	13,565	14,731	17,537	20,385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	đồng	3,498	-	-	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	tỷ đồng	7,510	5,647	10,789	5,492	12,243
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	tỷ đồng	32,350	29,360	29,152	25,822	26,611
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	tỷ đồng	49,819	55,242	34,504	44,158	43,469
Chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	11,260	2,004	9,288	6,637	9,876
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	tỷ đồng	227	227	227	227	227
Cho vay khách hàng	tỷ đồng	356,051	402,613	463,044	532,223	608,686
Hoạt động mua nợ	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	59,475	65,763	72,334	76,856	80,951
Góp vốn, đầu tư dài hạn	tỷ đồng	172	161	176	245	243
Tài sản cố định	tỷ đồng	3,763	4,343	4,563	4,875	5,341
Bất động sản đầu tư	tỷ đồng	216	216	216	216	216
Tài sản Có khác	tỷ đồng	6,929	8,543	9,180	10,696	12,389
TỔNG TÀI SẢN	tỷ đồng	527,770	574,119	633,474	707,447	800,252

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Các khoản nợ chính phủ và NHNN Việt Nam	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	tỷ đồng	54,394	48,908	53,911	54,007	68,718
Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	379,921	410,314	451,609	496,770	543,241
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	tỷ đồng	86	163	158	175	218
Phát hành giấy tờ có giá	tỷ đồng	30,548	34,762	30,580	37,787	45,232
Các khoản nợ khác	tỷ đồng	17,920	21,507	24,018	27,974	31,726
VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	44,901	58,466	73,197	90,734	111,118
Vốn điều lệ	tỷ đồng	27,291	34,046	34,046	34,046	34,046
Cổ phiếu quỹ	tỷ đồng	7,164	9,188	11,380	13,988	17,023
Vốn khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Quỹ của tổ chức tín dụng	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	10,445	15,232	27,771	42,700	60,049
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	-	-	-	-	-
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	527,770	574,119	633,474	707,447	800,252

Nguồn: ACB, MBS tổng hợp

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH THEO QUÝ	ĐVT	Quý 3 2021	Quý 3 2022	yoy
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	4,521	6,032	33%
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	1,170	1,059	-9%
Tổng thu nhập hoạt động	tỷ đồng	5,690	7,091	25%
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	2,254	2,526	12%
Lợi nhuận trước chi phí dự phòng	tỷ đồng	3,436	4,565	33%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	820	90	-89%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	2,616	4,475	71%
Tăng trưởng tín dụng so với đầu kỳ		8.0%	11.1%	
Tăng trưởng tiền gửi KH so với đầu kỳ		3.6%	3.2%	
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động		39.6%	35.6%	

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tăng trưởng TS & LN						
TT về tài sản	%	18.73	8.78	10.34	11.68	13.12
TT dư nợ & đầu tư	%	12.28	12.66	14.34	13.61	13.15
TT tiền gửi của KH & Phát hành GTCC	%	9.39	8.43	8.34	10.86	10.09
TT LN trước chi phí dự phòng & thuế	%	45.53	17.08	11.90	14.30	15.88
TT lợi nhuận trước thuế	%	25.03	41.32	8.60	19.04	16.24

An toàn vốn		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Tổng nợ phải trả/Vốn CSH	lần	10.75	8.82	7.65	6.80	6.20
Vốn CSH/Tổng TS	%	8.51	10.18	11.55	12.83	13.89
Tổng TS/Vốn CSH	lần	0.12	0.10	0.09	0.08	0.07

Chất lượng TS		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Nợ xấu (nhóm 3-5)	%	0.77	0.67	0.68	0.71	0.68
Nợ nhóm 2	%	0.52	0.31	0.34	0.39	0.35
Dự phòng cho vay KH/ Nợ xấu	%	205.24	229.06	229.28	196.47	189.95

Thanh khoản		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Dư nợ/ vốn huy động	%	77.85	82.79	87.76	91.72	93.85
TS thanh khoản cao/ Tổng TS	%	16.99	15.72	11.75	10.67	10.29
TS thanh khoản cao/ Tiền gửi KH	%	23.60	22.00	16.48	15.19	15.15

Lợi nhuận		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
ROA	%	1.82	2.36	2.33	2.48	2.55
ROE	%	21.39	23.20	20.13	19.33	18.34
NIM	%	4.01	4.03	4.03	4.02	4.07
Thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động	%	80.40	81.92	82.10	81.92	82.73
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động	%	34.93	32.13	30.54	28.57	26.42

Định giá		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
EPS (cơ bản)	đồng	3,554	4,016	4,362	5,192	6,036
BVPS	đồng	16,618	17,311	21,672	26,865	32,900
P/E	lần	5.80	5.13	4.72	3.97	3.41
P/B	lần	1.24	1.19	0.95	0.77	0.63

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huynh Huyinh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Trần Minh Phương Phuong.TranMinh@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘ SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn